|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN** **TỈNH QUẢNG TRỊ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /NQ-HĐND | *Quảng Trị, ngày 09 tháng 12 năm 2022* |

**NGHỊ QUYẾT**

**Về giám sát tình hình vận động, quản lý, sử dụng vốn ODA,**

**vốn vay ưu đãi nước ngoài trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

**KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 14**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 04/12/2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15 ngày 12/9/202022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội* *hướng dẫn hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân;*

*Sau khi xem xét Báo cáo số 351/BC-HĐND ngày 29/11/2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về giám sát tình hình vận động, quản lý, sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Tán thành Báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về giám sát tình hình vận động, quản lý, sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Trong đó:

Giai đoạn 2016 - 2020 và năm 2021, tỉnh Quảng Trị đã vận động, ký kết Hiệp định vay, cam kết tài trợ đối với 09 chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi gồm: (1) Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Quảng Trị (VILG); (2) Dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP); (3) Dự án đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở dự án thành phần tỉnh Quảng Trị; (4) Dự án Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Quảng Trị (FMCR); (5) Tiểu dự án: Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Quảng Trị (WB8); (6) Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê Kông mở rộng giai đoạn 2; (7) Dự án phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông (GMS); (8) Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Quảng Trị (BIIG2); (9) Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Trị (CRIEM). Tổng mức vốn ký kết là 5.528 tỷ đồng. Cơ cấu nguồn vốn: Trung ương vay và hỗ trợ cấp phát có mục tiêu: 3.994 tỷ đồng; ngân sách tỉnh đối ứng 1.029 tỷ đồng; ngân sách tỉnh vay lại 505 tỷ đồng.

Nhìn chung, các chương trình, dự án ODA, vốn vay ưu đãi trong giai đoạn 2016-2020 và năm 2021 được vận động, tiếp nhận phù hợp với các quy định của Chính phủ[[1]](#footnote-2); phù hợp quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2010 - 2020 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh; phù hợp với lĩnh vực ưu tiên sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo định hướng của Chính phủ Việt Nam và phù hợp với mục tiêu của các nhà tài trợ. Vốn ODA bổ sung nguồn vốn đầu tư phát triển, xây dựng cơ sở hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực, hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ sinh kế, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tạo diện mạo mới cho nhiều ngành, lĩnh vực và địa phương hưởng lợi.

**Điều 2.** Để việc vận động, quản lý, sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài trên địa bàn tỉnh Quảng Trị có hiệu quả, đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách, Luật Quản lý nợ công và các quy định pháp luật có liên quan, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các giải pháp sau:

1. Tập trung giải quyết các điểm nghẽn về giải phóng mặt bằng, tái định cư, giá nhân công, vật liệu tăng cao và thiếu các mỏ đất làm vật liệu san lấp cho các công trình xây dựng hạ tầng giao thông của các công trình sử dụng vốn ODA.

2. Thực hiện các giải pháp để cơ sở dữ liệu đất đai của Dự án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai được kết nối liên thông với các ngành, các địa phương do đây là tài nguyên dùng chung, xác định nguồn gốc đất đai góp phần công khai minh bạch trong việc giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án đầu tư. Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng và thi công thực hiện Dự án phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê Kông mở rộng, giai đoạn 2 - Tiểu dự án tỉnh Quảng Trị.

3. Đối với Dự án phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông (GMS): Khẩn trương giải quyết vướng mắc để thi công đường hai đầu cầu Dây Văng bắc qua sông Hiếu; sớm phê duyệt Quy hoạch chung thành phố Đông Hà. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân thành phố Đông Hà, Ủy ban nhân dân huyện Hướng Hóa đẩy nhanh tiến độ tháo gỡ các vướng mắc về giải phóng mặt bằng; trường hợp những tuyến, đoạn tuyến đến ngày 31/12/2022 mà địa phương không giải phóng mặt bằng được thì thực hiện thi công theo hiện trạng để kết thúc dự án, phần còn lại giao cho Ủy ban nhân dân thành phố Đông Hà, Ủy ban nhân dân huyện Hướng Hóa chủ động bố trí từ ngân sách địa phương đã phân cấp quản lý để đầu tư hoàn thành theo thiết kế được duyệt.

4. Đối với Dự án hạ tầng cơ bản cho Phát triển toàn diện tỉnh Quảng Trị (BIIG2): Chỉ đạo chủ đầu tư, Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng tỉnh (đơn vị ủy thác quản lý dự án) thường xuyên kiểm tra, rà soát đôn đốc nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công; đồng thời cập nhật tiến độ thi công của các nhà thầu theo mặt bằng đã được bàn giao; thực hiện giám sát chặt chẽ quá trình thi công, nếu vi phạm hợp đồng thì kiên quyết chấm dứt hợp đồng theo quy định. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện vùng dự án (chủ đầu tư hợp phần giải phóng mặt bằng) đẩy nhanh tiến độ bàn giao mặt bằng, trường hợp có những tuyến hoặc đoạn tuyến khó khăn về giải phóng mặt bằng thì thực hiện cắt giảm để chuyển vốn sang bổ sung cho các hạng mục mới.

5. Chỉ đạo chủ động công bố giá đất làm vật liệu xây dựng; đồng thời kiểm tra cập nhật giá vật liệu xây dựng sát với giá thị trường, đặc biệt là cát xây dựng để góp phần đẩy nhanh tiến độ xây dựng trên địa bàn.

6. Xây dựng và trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định về cơ chế sử dụng nguồn lực đầu tư thay thế khi hết thời gian thực hiện đối với các công trình, dự án do Chính phủ Italia tài trợ (Dự án nâng cấp cơ sở vật chất ngành y tế trong đó có các công trình Trạm Y tế xã: Hải Lâm, Hải Sơn và thị trấn Hải Lăng; Dự án Hệ thống cấp nước xã Hải Chánh, huyện Hải Lăng và Dự án Hệ thống cấp nước xã Vĩnh Long - Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh) sau khi được Chính phủ cho phép tái cấu trúc dự án đầu tư.

7. Rà soát khả năng thực hiện các dự án sử dụng vốn ODA để chủ động đề xuất điều chỉnh kế hoạch bố trí vốn đối ứng trung hạn 2021-2025, bảo đảm sử dụng nguồn lực có hiệu quả.

8. Rà soát, đề xuất vận động các dự án mới sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài phù hợp với điều kiện ngân sách tỉnh, khả năng trả nợ gốc, phí, lãi vay; trần nợ vay theo quy định của Luật Quản lý nợ công, Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách; đề suất điều chỉnh kế hoạch tài chính 5 năm 2021-2025 theo Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 09/12/2021, mức dư nợ cuối kỳ bảo đảm cho một số dự án mới đủ điều kiện vay lại trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

9. Chỉ đạo các địa phươngchịu trách nhiệm bố trí ngân sách, nhân lực để giải phóng mặt bằng các dự án có liên quan trên địa bàn cấp huyện.

**Điều 3.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết và báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết với Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2023.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, Kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- TVTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;- Đoàn đại biểu QH tỉnh;- VP: TU, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;- ĐB HĐND tỉnh;- Lưu: VT, CTHĐ; | **CHỦ TỊCH****Nguyễn Đăng Quang** |

1. Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016, Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020; định hướng Chính phủ Việt Nam được ban hành tại Quyết định số 251/QĐ-TTg ngày 17/02/2016 và Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 06/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ [↑](#footnote-ref-2)